

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-ST

Ngày: 21-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ron và ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Thao là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/HSST-QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Đức T**, giới tính: Nam; sinh năm 1993 tại Ba Vì, Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm X, thôn P, xã C, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Hoàng Anh T (chết) và bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Bản án số 49/2013/HSST ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trường O**, giới tính: Nam; sinh năm 1998 tại Ba Vì, Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Không rõ; Con bà: Lê Thị Th, sinh năm 1974; Vợ: Chu Thị Mỹ Hương, sinh năm 2000, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự:

- Ngày 16/8/2021 bị Công an huyện Ba Vì, TP. Hà Nội xử phạt 750.000 đồng về hành vi đánh nhau; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Chu Trần Y**, giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại Ba Vì, Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Chu Văn K (chết) và bà: Phùng Thị C, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999, có 02 người con, sinh năm 2017 và năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Bản án số 33/2014/HSST ngày 10/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 23/9/2014; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1995 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Thôn K, xã H, Hoài Nhơn, Bình Định
Chỗ ở: Thôn N, xã P, huyện Tuy Phước, Bình Định.
2. Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ X, kv4, p. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Bình Định.
3. Chị Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Tổ Y, kp. Tân An, p. Thanh Khê, q. Thanh Khê, Đà Nẵng
Chỗ ở: đường H, p. Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
4. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Tổ U, kp1, p. Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
Chỗ ở: đường T, p. Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
5. Chị Lê Thị Diệu H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Đội B, Tt. Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
Chỗ ở: đường T, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
6. Anh Tăng Nhọc B, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn V, Tt. Diêu Trì, huyện Tuy Phước, Bình Định.
7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ A, khu phố 1, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Tổ M, khu phố G, p. Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định.
Chỗ ở: Thôn B, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, Bình Định.
9. Chị Đặng Thị Kim H, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Thôn K, xã C, Vân Canh, Bình Định.
Chỗ ở: Tổ H, khu phố 5, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
10. Chị Ngô Thị B, sinh năm 1970 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ Z, khu phố R, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
11. Anh Thái Trường S, sinh năm 1964 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ F, khu phố Y, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

12. Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ G, khu phố E, p. Đồng Đa, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
13. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ R, khu phố T, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
14. Chị Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Tổ 4, khu phố R, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
- Chỗ ở: 295/38/24 Âu Cơ, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
15. Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1957 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ D, khu phố F, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
16. Anh Võ Xuân T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Khu A, Tt. Ngô Mỹ, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
17. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Xóm A, Thôn V, xã C, Phù Cát, Bình Định
18. Anh Lê Bá H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: đường, Tx. An Nhơn, Bình Định.
Chỗ ở: Tổ T, khu phố U, p. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
19. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1965 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
20. Chị Dương Thị N, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Tổ J, khu phố L, p. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
- Chỗ ở: Tổ T, khu phố R, p. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
21. Chị Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: đường Q, Tt. Ngô Mỹ, Phù Cát, Bình Định.
Chỗ ở: Thôn E, xã C, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
22. Chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1971 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ 1, thôn A, Tt. Ngô Mỹ, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
23. Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: đường A, Tt. Ngô Mỹ, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
24. Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Phù Cát, Bình Định.
25. Chị Võ Thị Xuân H, sinh năm 1957 (Vắng mặt).
Nơi thường trú: Tổ E, khu phố C, p. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
- Chỗ ở: Tổ H, khu phố J, p. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
- *Người làm chứng:*
Anh Võ Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng cuối tháng 02/2022, Hoàng Đức T đã thuê Chu Trần Y, Nguyễn Trường O đến ở chung tại phòng trọ số XYZ Lạc Long Quân, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn để cùng nhau hoạt động cho người khác vay tiền với lãi suất cao dưới hình thức đi rải tờ rơi, tìm người vay và thu tiền góp hàng ngày, mọi hoạt động cho vay tiền của nhóm sẽ do T chỉ đạo, sắp xếp và điều hành. Đồng thời, T sẽ lo chỗ ở, tiền ăn, tiền xăng xe đi lại và trả lương cho Y và O mỗi người 4.000.000 đồng/tháng. Tiến phân công Y hoạt động ở địa bàn huyện Tuy Phước, huyện An Nhơn, TP. Quy Nhơn; O hoạt động ở địa bàn huyện Phù Cát, TP. Quy Nhơn.

Khi ai có nhu cầu vay tiền sẽ gọi đến số điện thoại có sẵn trên tờ rơi cho T. Sau đó, T sẽ phân công Y hoặc O xưng tên là “T” đến xem chỗ ở của người vay rồi thỏa thuận việc cho vay và thu giữ giấy tờ tùy thân như giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy tờ xe.... Tùy theo nhu cầu của người vay, T sẽ đồng ý cho vay từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, một số trường hợp sẽ được vay đến 20.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, người vay sẽ trả góp theo ngày với số tiền giao động từ 250.000-500.000 đồng/ngày tùy theo số tiền vay, tương đương lãi suất cho vay là 30%/tháng. Ngoài ra, T sẽ thu phí của người vay với mức từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng tùy theo số tiền cho vay. Nhóm của T sẽ trừ trực tiếp tiền góp 1-2 ngày đầu tiên và tiền phí cho vay vào số tiền người vay được nhận. Trong quá trình cho vay, nếu người vay không có khả năng trả, có nhu cầu đáo hạn thì các đối tượng sẽ cho đáo hạn và yêu cầu người vay phải trả đủ số tiền còn thiếu của gói vay trước đó và được trừ trực tiếp vào tiền gói vay sau.

Quá trình điều tra xác định: Từ khoảng tháng 02/2022 đến tháng 12/2022, nhóm của T đã cho 25 người vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay là 918.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 234.520.274 đồng (trong đó: Tiền lãi vượt quá mức pháp luật cho phép là 191.470.274 đồng, số tiền phí cho vay là 43.050.000 đồng).

Số người vay và số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay của nhóm Hoàng Đức T cụ thể như sau:

Những người do Hoàng Đức T trực tiếp cho vay:

1. Lê Thị Th vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 26/10/2022, đáo hạn 1 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 04/11/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 10/11/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/11/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 4 ngày); Vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 01/12/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 1 ngày); Vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 14/12/2022, chưa trả xong (đã trả 3 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.650.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 7.359.041 đồng.

2. Trần Thị Ngọc M vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ đầu tháng 6/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 10 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 4.308.219 đồng.

3. Trương Thị Mỹ H vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 20/3/2022, đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 22/5/2022, đáo hạn 5 lần, đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 27/5/2022, đáo hạn 5 lần, đã trả xong; Vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 01/4/2022, đáo hạn 1 lần, đã trả xong; Vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 16/8/2022, đáo hạn 5 lần, chưa trả xong (đã trả 16 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 7.250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 40.663.014 đồng.

Ngoài ra, Trương Thị Mỹ H còn dùng tên Nguyễn Thị Bích H để vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 11/3/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 9 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 4.213.699 đồng.

4. Lê Thị T (dùng tên Nguyễn Thị T) để vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 17/5/2022, đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 29/5/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 3 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 700.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 2.968.493 đồng.

5. Lê Thị Diệu H vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30,00%/tháng từ ngày 24/2/2022, đáo hạn 2 lần, đã trả xong; vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 23/3/2022, đáo hạn 2 lần, đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/2/2022, đáo hạn 4 lần, đã trả xong; Vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 10/3/2022, đáo hạn 4 lần, chưa trả xong (đã trả 11 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 4.050.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 22.264.110 đồng.

6. Tăng Nhọc B vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 13/4/2022, đáo hạn 6 lần, đã trả xong. Tổng tiền phí các lần vay là: 2.100.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 12.024.658 đồng.

Những người do Chu Trần Y trực tiếp cho vay:

1. Nguyễn Thị T vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/6/2022, đáo hạn 01 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 06/8/2022, đáo hạn 2 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 17/9/2022, đã trả xong. Tổng tiền phí các lần vay là: 400.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 4.417.123 đồng.

2. Nguyễn Thị T vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 05/7/2022, chưa trả xong (đã trả 19 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.147.945 đồng.

3. Đặng Thị Kim H vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 25/6/2022, đáo hạn 1 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi

suất 30%/tháng từ ngày 01/12/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 1 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 4.591.781 đồng.

4. Ngô Thị B (dùng tên Nguyễn Thị Ph) vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 04/6/2022, đáo hạn 1 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 22/6/2022, đáo hạn 3 lần, chưa trả xong (đã trả 13 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 850.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 8.203.699 đồng.

5. Thái Trường S vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 20/6/2022, đáo hạn 4 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 16/9/2022, đáo hạn 2 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 07/11/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/11/2022, đã trả xong; Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 04/12/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 1 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.800.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 10.344.658 đồng.

6. Phạm Thị Huyền T vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 28/4/2022, đáo hạn 1 lần, đã trả xong; Vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 04/5/2022, đáo hạn 3 lần, chưa trả xong (đã trả 19 ngày); Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 22/5/2022, đáo hạn 2 lần, chưa trả xong (đã trả 9 ngày); Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 19/6/2022, chưa trả xong (đã trả 7 ngày); Vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/6/2022, chưa trả xong (đã trả 5 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 950.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 6.734.658 đồng.

7. Nguyễn Thị Th (dùng tên Trần Thị H) vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 12/6/2022, đã trả xong; Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 22/6/2022, đáo hạn 1 lần, đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 17/7/2022, đáo hạn 4 lần, chưa trả xong (đã trả 13 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 8.703.425 đồng.

8. Nguyễn Thị Thanh K vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 02/11/2022, đáo hạn 2 lần, chưa trả xong (đã trả 15 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 550.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 3.621.918 đồng.

9. Trần Thị Ngọc N vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 12/11/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 11 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 300.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 2.001.370 đồng.

Những người do Nguyễn Trường O trực tiếp cho vay:

1. Võ Xuân T vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 18/5/2022, đáo hạn 6 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/7/2022, đáo hạn 01 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 28/8/2022, đáo hạn 4 lần, chưa trả

xong (đã trả 3 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 5.200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 25.569.178 đồng.

2. Nguyễn Văn Th vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 18/6/2022, đã trả xong. Tổng tiền phí các lần vay là: 500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.681.507 đồng.

3. Lê Bá H vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 30/10/2022, đáo hạn 01 lần, đã trả xong; Vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 17/11/2022, đã trả xong Vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 02/12/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 7 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 2.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 15.638.356 đồng.

4. Huỳnh Thị N vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 23/5/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 02/6/2022, đáo hạn 3 lần, hiện đã trả xong; Vay số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 18/7/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 19/8/2022, đáo hạn 5 lần, chưa trả xong (đã trả 5 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 900.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 11.533.562 đồng.

5. Dương Thị N vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 02/7/2022, chưa trả xong (đã trả 6 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 150.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 433.562 đồng.

6. Nguyễn Thị Út H vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 12/6/2022, đáo hạn 2 lần, chưa trả xong (đã trả 23 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 4.950.000 đồng.

7. Huỳnh Thị Ngọc A vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 25/5/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 09/6/2022, đáo hạn 2 lần, chưa trả xong (đã trả 10 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 550.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 3.291.096 đồng.

8. Bùi Thị Thanh N vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 06/7/2022, hiện đã trả xong; Vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 08/7/2022, đáo hạn 1 lần hiện đã trả xong; Vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 26/8/2022, đáo hạn 3 lần, chưa trả xong (đã trả 14 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 3.650.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 19.652.329 đồng.

9. Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 15/5/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 19 ngày); Vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 25/5/2022, đáo hạn 1 lần, chưa trả xong (đã trả 2 ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 2.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 5.355.479 đồng.

10. Võ Thị Xuân H vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 21/6/2022, đáo hạn 3 lần, chưa trả xong (đã trả 3 ngày); Vay số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng từ ngày 07/8/2022, chưa trả xong (đã trả 13

ngày). Tổng tiền phí các lần vay là: 1.250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 2.847.397 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn hiện đang tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone Xs Max màu vàng, gắn sim số: 0865382483, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, gắn sim số: 0365360120, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12 Pro max màu xanh, gắn sim số: 0962058993, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh, gắn sim số: 0359850256, đã qua sử dụng.
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu sơn: Cam, biển số: 93P1-778.47, đã qua sử dụng.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô 93P1-778.47, mang tên Phạm Thị N.
- 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream hiệu Boss, màu nâu, biển số: 62H9-9866, đã qua sử dụng.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô 62H9-9866, mang tên Mai Văn L.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, gắn sim số: 0349651132, đã qua sử dụng.
- 01 (một) quyển vở học sinh hiệu Nghệ Xương, đã qua sử dụng.
- 100 tờ rơi kích thước (10x11)cm.
- 200 tờ rơi kích thước (7x10)cm.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y khai nhận khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y theo Cáo trạng.

* Về trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Hoàng Đức T: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt tù 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Bị cáo Nguyễn Trường O: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Bị cáo Chu Trần Y: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

* Phần xử lý tiền cho vay:

1. Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng cho 25 người vay là: 234.520.274 đồng. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Hoàng Đức T có nghĩa vụ hoàn trả cho:

- + Lê Thị T: 7.359.041 đồng.
- + Trần Thị Ngọc M: 4.308.219 đồng.
- + Trương Thị Mỹ H: 44.876.713 đồng
- + Lê Thị Th: 2.968.493 đồng.
- + Lê Thị Diệu H: 22.264.110 đồng
- + Tăng Nhọc B: 12.024.658 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trường O có nghĩa vụ hoàn trả cho:

- + Nguyễn Thị T: 4.417.123 đồng
- + Nguyễn Thị T: 1.147.945 đồng.
- + Đặng Thị Kim H: 4.591.781 đồng
- + Ngô Thị B: 8.203.699 đồng.
- + Thái Trường S: 10.344.658 đồng
- + Phạm Thị Huyền T: 6.734.658 đồng
- + Nguyễn Thị Th: 8.703.425 đồng
- + Nguyễn Thị Thanh K: 3.621.918 đồng
- + Trần Thị Ngọc N: 2.001.370 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Trần Y có nghĩa vụ hoàn trả cho:

- + Võ Xuân Th: 25.569.178 đồng
- + Nguyễn Văn Th: 1.681.507 đồng
- + Lê Bá H: 15.638.356 đồng
- + Huỳnh Thị N: 11.533.562 đồng
- + Dương Thị N: 433.562 đồng.
- + Nguyễn Thị Út H: 4.950.000 đồng.
- + Huỳnh Thị Ngọc A: 3.291.096 đồng.
- + Bùi Thị Thanh N: 19.652.329 đồng.
- + Nguyễn Thị Trúc L: 5.355.479 đồng.
- + Võ Thị Xuân H: 2.847.397 đồng.

2. Tổng khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T, O, Y đã thu của 25 người vay là 12.575.342 đồng: đề nghị truy thu từ T, O, Y để sung quỹ nhà nước, số tiền cụ thể mỗi người phải nộp là Hoàng Đức T nộp 4.863.014 đồng; Nguyễn Trường O nộp 4.863.015 đồng; Chu Trần Y nộp 2.849.315 đồng.

3. Đề nghị HĐXX truy thu tiền gốc của những người vay còn nợ tiền của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước gồm: Lê Thị T: 8.840.000 đồng, Trần Thị Ngọc M: 6.000.000 đồng, Trương Thị Mỹ H: 10.000.000 đồng, Lê Thị Th: 4.400.000 đồng, Lê Thị Diệu H: 3.920.000 đồng, Nguyễn Thị T: 1.200.000 đồng, Đặng Thị Kim H: 4.800.000 đồng, Ngô Thị B: 2.800.000 đồng, Thái Trường S: 3.840.000 đồng, Phạm Thị Huyền T: 7.520.000 đồng, Nguyễn Thị T: 2.400.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh K: 200.000 đồng, Trần Thị Ngọc N: 2.800.000 đồng, Võ Xuân Th: 8.800.000 đồng, Lê Bá H: 14.400.000 đồng,

Huỳnh Thị N: 4.000.000 đồng, Dương Thị N: 3.800.000 đồng, Nguyễn Thị Út H: 400.000 đồng, Huỳnh Thị Ngọc A: 2.400.000 đồng, Bùi Thị Thanh N: 5.280.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L: 5.800.000 đồng, Võ Thị Xuân H: 2.240.000 đồng.

4. Đề nghị HĐXX truy thu số tiền các bị cáo dùng để cho vay là 812.080.000 đồng (918.000.000 – 105.920.000 đồng).

5. Đề nghị HĐXX tạm giữ số tiền 45.000.000 đồng (mỗi bị cáo 15.000.000 đồng) do gia đình các bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án.

* Xử lý vật chứng, đề nghị HĐXX:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone Xs Max màu vàng, gắn sim số: 0865382483, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, gắn sim số: 0365360120, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12 Pro max màu xanh, gắn sim số: 0962058993, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh, gắn sim số: 0359850256, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, gắn sim số: 0349651132, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu sơn: Cam, biển số: 93P1-778.47 và giấy đăng ký xe mô tô 93P1-778.47 mang tên Phạm Thị N.

+ 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream hiệu Boss, màu nâu, biển số: 62H9-9866 và giấy đăng ký xe mô tô 62H9-9866, mang tên Mai Văn L.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) quyển vở học sinh hiệu Nghệ Xương, đã qua sử dụng.

+ 100 tờ rơi kích thước (10x11)cm.

+ 200 tờ rơi kích thước (7x10)cm.

- Các bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y thừa nhận hành vi phạm tội không bào chữa.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y có đầy đủ sức khỏe năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết cho vay lãi nặng vượt mức cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham lợi bất chính các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong thời gian từ cuối tháng 02/2022 đến tháng 12/2022, bị cáo Hoàng Đức T đứng ra tổ chức cho các bị cáo Chu Trần Y, Nguyễn Trường O hoạt động cho nhiều người vay với lãi suất cao 30%/tháng, gấp khoảng 18 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Quá trình điều tra đã xác định được 25 người vay tiền của các bị cáo với tổng số tiền cho vay là 918.000.000 đồng, các bị cáo thu lợi bất chính số tiền 234.520.274 đồng (tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 191.470.274 đồng, tiền phí cho vay 43.050.000 đồng). Trong đó, bị cáo Hoàng Đức T trực tiếp cho 06 người vay, tiền thu lợi bất chính là 93.801.233 đồng, bị cáo Chu Trần Y trực tiếp cho 09 người vay, tiền thu lợi bất chính là 49.766.575 đồng, bị cáo Nguyễn Trường O trực tiếp cho 10 người vay, tiền thu lợi bất chính là 90.952.466 đồng. Trong vụ án này bị cáo Hoàng Đức T vừa trực tiếp cho vay, vừa là người tổ chức, cầm đầu, bị cáo T thuê bị cáo O, bị cáo Y trực tiếp cho khách hàng vay và thu nợ, đòi nợ hằng ngày, nộp tiền gốc, tiền lãi, tiền phí thu được cho bị cáo T. Các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ với nhau và hỗ trợ nhau trong hoạt động cho vay tiền, sử dụng tiền thu lợi từ hoạt động cho vay để sinh sống, tiêu xài chung cho cả nhóm. Do đó, Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Trong vụ án có 03 bị cáo tham gia, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm, trong đó Hoàng Đức T là người tổ chức, cầm đầu khởi xướng việc cho vay lãi nặng, cung cấp tiền cho vay, thuê các bị cáo Nguyễn Trường O, Chu Trần Y và hướng dẫn bị cáo O, Y cách thức cho vay, các bị cáo O, Y tham gia với vai trò giúp sức, cả 03 bị cáo trực tiếp tìm người vay và thu tiền nên phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng và hình phạt của bị cáo T phải cao hơn so với các bị cáo khác.

[4] Hành vi do các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại về lợi ích của người đi vay, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải bị xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy rằng

5.1 Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y đều có nhân thân xấu.

5.2 Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y phạm tội “Có tổ chức”, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

5.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Trường O phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo O; trong quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo. Gia đình các bị cáo nộp lại 45.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Xử lý số tiền cho vay: Theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử lý số tiền các bị cáo đã cho vay như sau:

7.1 Đối với số tiền lãi các bị cáo cho người vay tương ứng với lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Do đó, truy thu của các bị cáo số tiền 12.575.342 đồng để sung quỹ nhà nước. Chia phần: Bị cáo Hoàng Đức T nộp 4.863.014 đồng; Nguyễn Trường O nộp 4.863.015 đồng; Chu Trần Y nộp 2.849.315 đồng.

7.2 Đối với tiền lãi các bị cáo thu của người vay vượt mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự thì buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay kể cả các khoản thu phí. Do đó, buộc các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại cho 25 người vay tiền số tiền 234.520.274 đồng. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Hoàng Đức T có nghĩa vụ hoàn trả cho:
 - + Lê Thị Th: 7.359.041 đồng.
 - + Trần Thị Ngọc M: 4.308.219 đồng.
 - + Trương Thị Mỹ H: 44.876.713 đồng
 - + Lê Thị Th: 2.968.493 đồng.
 - + Lê Thị Diệu H: 22.264.110 đồng
 - + Tăng Nhọc B: 12.024.658 đồng.
- Buộc bị cáo Nguyễn Trường O có nghĩa vụ hoàn trả cho:
 - + Nguyễn Thị T: 4.417.123 đồng
 - + Nguyễn Thị T: 1.147.945 đồng.
 - + Đặng Thị Kim H: 4.591.781 đồng
 - + Ngô Thị B: 8.203.699 đồng.

- + Thái Trường S: 10.344.658 đồng
- + Phạm Thị Huyền T: 6.734.658 đồng
- + Nguyễn Thị Th: 8.703.425 đồng
- + Nguyễn Thị Thanh K: 3.621.918 đồng
- + Trần Thị Ngọc N: 2.001.370 đồng.
- Buộc bị cáo Chu Trần Y có nghĩa vụ hoàn trả cho:
- + Võ Xuân T: 25.569.178 đồng
- + Nguyễn Văn T: 1.681.507 đồng
- + Lê Bá H: 15.638.356 đồng
- + Huỳnh Thị N: 11.533.562 đồng
- + Dương Thị N: 433.562 đồng.
- + Nguyễn Thị Út H: 4.950.000 đồng.
- + Huỳnh Thị Ngọc A: 3.291.096 đồng.
- + Bùi Thị Thanh N: 19.652.329 đồng.
- + Nguyễn Thị Trúc L: 5.355.479 đồng.
- + Võ Thị Xuân H: 2.847.397 đồng.

7.3 Đối với những người vay tiền còn nợ của các bị cáo thì truy thu số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước. Do đó, truy thu như sau:

- Lê Thị Th: 8.840.000 đồng.
- Trần Thị Ngọc M: 6.000.000 đồng.
- Trương Thị Mỹ H: 10.000.000 đồng.
- Lê Thị Th: 4.400.000 đồng.
- Lê Thị Diệu H: 3.920.000 đồng.
- Nguyễn Thị T: 1.200.000 đồng.
- Đặng Thị Kim H: 4.800.000 đồng.
- Ngô Thị B: 2.800.000 đồng.
- Thái Trường S: 3.840.000 đồng.
- Phạm Thị Huyền T: 7.520.000 đồng.
- Nguyễn Thị T: 2.400.000 đồng.
- Nguyễn Thị Thanh K: 200.000 đồng.
- Trần Thị Ngọc N: 2.800.000 đồng.
- Võ Xuân Th: 8.800.000 đồng.
- Lê Bá H: 14.400.000 đồng.
- Huỳnh Thị N: 4.000.000 đồng.
- Dương Thị N: 3.800.000 đồng.
- Nguyễn Thị Út H: 400.000 đồng.
- Huỳnh Thị Ngọc A: 2.400.000 đồng.
- Bùi Thị Thanh N: 5.280.000 đồng.
- Nguyễn Thị Trúc L: 5.800.000 đồng.
- Võ Thị Xuân H: 2.240.000 đồng.

7.4 Số tiền các bị cáo dùng để cho vay thì truy thu sung vào ngân sách Nhà nước, sau khi được trừ đi số tiền mà những người vay còn nợ lại của các bị cáo: 812.080.000 đồng (918.000.000 – 105.920.000 đồng). Chia phần: Truy thu mỗi bị cáo 270.693.333 đồng.

[8] Vào ngày 25/5/2023 Gia đình các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y đã nộp số tiền 45.000.000 đồng (mỗi bị cáo 15.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả, nên tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[9] Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone Xs Max màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12 Pro max màu xanh; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh, 1 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu sơn: Cam, biển số: 93P1-778.47 và giấy đăng ký xe mô tô 93P1-778.47, 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream hiệu Boss, màu nâu, biển số: 62H9-9866 và giấy đăng ký xe mô tô 62H9-9866; 01 (một) quyển vở học sinh hiệu Nghệ Xương; 100 tờ rơi kích thước (10x11)cm; 200 tờ rơi kích thước (7x10)cm. Xét thấy, 04 điện thoại thu giữ các các bị cáo, các bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc cho vay tiền các điện thoại này có giá trị kinh tế nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, các sim của điện thoại thì tiêu hủy; đối với 02 xe mô tô các bị cáo mua và sử dụng làm phương tiện đi lại để cho vay tiền 02 xe mô tô này có giá trị kinh tế nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước (kèm theo giấy đăng ký xe mô tô), đối với các tờ rơi giấy vay tiền và vở học sinh hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Đức T, Chu Trần Y.

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trường O.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2022.

2.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường O 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2022.

2.3 Xử phạt bị cáo Chu Trần Y 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2022.

3. Xử lý số tiền cho vay:

3.1 Buộc các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y có nghĩa vụ hoàn trả lại cho 25 người vay tiền số tiền 234.520.274 đồng. Cụ thể:

- Bị cáo Hoàng Đức T có nghĩa vụ hoàn trả cho:

- + Lê Thị Th: 7.359.041 đồng.
- + Trần Thị Ngọc M: 4.308.219 đồng.
- + Trương Thị Mỹ H: 44.876.713 đồng
- + Lê Thị Th: 2.968.493 đồng.
- + Lê Thị Diệu H: 22.264.110 đồng
- + Tăng Nhọc B: 12.024.658 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Trường O có nghĩa vụ hoàn trả cho:

- + Nguyễn Thị T: 4.417.123 đồng
- + Nguyễn Thị T: 1.147.945 đồng.
- + Đặng Thị Kim H: 4.591.781 đồng
- + Ngô Thị B: 8.203.699 đồng.
- + Thái Trường S: 10.344.658 đồng
- + Phạm Thị Huyền T: 6.734.658 đồng
- + Nguyễn Thị Th: 8.703.425 đồng
- + Nguyễn Thị Thanh K: 3.621.918 đồng
- + Trần Thị Ngọc N: 2.001.370 đồng.

- Bị cáo Chu Trần Y có nghĩa vụ hoàn trả cho:

- + Võ Xuân Th: 25.569.178 đồng
- + Nguyễn Văn Th: 1.681.507 đồng
- + Lê Bá H: 15.638.356 đồng
- + Huỳnh Thị N: 11.533.562 đồng
- + Dương Thị N: 433.562 đồng.
- + Nguyễn Thị Út H: 4.950.000 đồng.
- + Huỳnh Thị Ngọc A: 3.291.096 đồng.
- + Bùi Thị Thanh N: 19.652.329 đồng.
- + Nguyễn Thị Trúc L: 5.355.479 đồng.
- + Võ Thị Xuân H: 2.847.397 đồng.

3.2 Truy thu tiền của người vay tiền còn nợ của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước gồm có:

- Lê Thị Th: 8.840.000 đồng.
- Trần Thị Ngọc M: 6.000.000 đồng.
- Trương Thị Mỹ H: 10.000.000 đồng.
- Lê Thị Th: 4.400.000 đồng.
- Lê Thị Diệu H: 3.920.000 đồng.
- Nguyễn Thị T: 1.200.000 đồng.
- Đặng Thị Kim H: 4.800.000 đồng.
- Ngô Thị B: 2.800.000 đồng.
- Thái Trường S: 3.840.000 đồng.
- Phạm Thị Huyền T: 7.520.000 đồng.
- Nguyễn Thị Th: 2.400.000 đồng.
- Nguyễn Thị Thanh K: 200.000 đồng.
- Trần Thị Ngọc N: 2.800.000 đồng.
- Võ Xuân Th: 8.800.000 đồng.
- Lê Bá H: 14.400.000 đồng.
- Huỳnh Thị N: 4.000.000 đồng.
- Dương Thị N: 3.800.000 đồng.
- Nguyễn Thị Út H: 400.000 đồng.
- Huỳnh Thị Ngọc A: 2.400.000 đồng.
- Bùi Thị Thanh N: 5.280.000 đồng.
- Nguyễn Thị Trúc L: 5.800.000 đồng.
- Võ Thị Xuân H: 2.240.000 đồng.

3.3 Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y dùng để cho vay (sau khi được trừ đi số tiền mà những người vay còn nợ lại của các bị cáo): 812.080.000 đồng. Chia phần như sau: Chia phần, truy thu mỗi bị cáo là 270.693.333 đồng.

3.4 Tạm giữ số tiền 45.000.000 đồng (mỗi bị cáo 15.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án, theo biên lai thu tiền số 0000789 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:
 - + 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone Xs Max màu vàng, số imei1: 353111101987319, số imei2: 353111101961660, gắn sim số: 0865382483, đã qua sử dụng (sim của điện thoại thì tiêu hủy).
 - + 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số imei1: 351639348236027, số imei2: 351639349236026, gắn sim số: 0365360120, đã qua sử dụng (sim của điện thoại thì tiêu hủy).
 - + 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12 Pro max màu xanh, số imei 35088874402981 gắn sim số: 0962058993, đã qua sử dụng (sim của điện thoại thì tiêu hủy).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh, số imei 353297055187475, gắn sim số: 0359850256, đã qua sử dụng (sim của điện thoại thì tiêu hủy).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số imei 354275380432468, gắn sim số: 0349651132, đã qua sử dụng (sim của điện thoại thì tiêu hủy).

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu sơn: Cam, biển số: 93P1-778.47, số khung: 1211DY650413, số máy: HC12E5650501, đã qua sử dụng kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 008112 của phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/6/2015, biển số xe: 93P1-778.47, chủ sở hữu: Phạm Thị N.

+ 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream hiệu Boss, màu nâu, biển số: 62H9-9866, số khung: SB10AD4H-232781, số máy: VMES1-232781, đã qua sử dụng, kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 0078300 của Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Long An cấp ngày 31/01/2005, biển số xe: 62H9-9866, chủ sở hữu: Mai Văn L.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) quyển vở học sinh hiệu Nghệ Xương, đã qua sử dụng.

+ 100 tờ rơi kích thước (10x11)cm.

+ 200 tờ rơi kích thước (7x10)cm.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Trường O, Chu Trần Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA TP. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA TP. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đình Hưng

